

Sự khác biệt giữa  
Thiên Chúa giáo La-mã và Tin-Lành

Differences between  
Roman Catholic and Protestants

**“Còn ta, ta bảo người rằng:  
Người là Phi-e-rơ,  
ta sẽ lập Hội thánh ta trên đá này,  
các cửa âm phủ chẳng thắng được hội đó.”**

Mathiơ 16:18

## 9. Sự Khác Biệt Giữa Thiên Chúa Giáo La-Mã và Tin-Lành

(Differences between Roman Catholic & Protestants)

Khi những người Thiên Chúa giáo La Mã nghe đến chữ “*Tin Lành*” thì họ dùng những từ như “*Thệ Phán*”, “*Anh Em Ly Khai*”, hay là “*phản kháng*” (*protest*) và đều cho là từ Thiên Chúa giáo La Mã mà ra. Đúng, tôi nhìn nhận đều đó, nhưng câu hỏi mà tôi muốn hỏi lại cho những người Thiên Chúa giáo La Mã là: Những người Thiên Chúa giáo La Mã có thật sự biết tại sao “*Tin Lành*” tách rời Thiên Chúa giáo La Mã không? Câu hỏi thứ hai mà tôi muốn hỏi cho những người Thiên Chúa giáo La Mã trên là: Thiên Chúa giáo La Mã từ đâu ra? Nếu bạn là người Thiên Chúa giáo thì tôi xin để bạn trả lời hai câu hỏi đó. Nhưng trong phần này tôi xin chỉ nói về sự khác biệt giữa Thiên Chúa giáo La Mã và Tin Lành mà thôi. Dưới đây tôi chỉ xin dùng từ “Thiên Chúa giáo” chỉ về Thiên Chúa giáo La Mã.

Có rất nhiều sự khác biệt giữa Thiên Chúa giáo và Tin Lành. Tôi chỉ đưa ra vài điểm chính, xem Kinh Thánh nói gì về những điểm đó. Dưới đây là những điểm khác biệt:

### 1. Giáo lý về Kinh Thánh

Tin Lành: Chỉ tin Kinh Thánh mà thôi

Thiên Chúa giáo: Tin Kinh Thánh và lời truyền khẩu

Người Thiên Chúa giáo tin rằng Kinh Thánh là lời của Đức Chúa Trời, nhưng riêng Kinh Thánh không thì chưa đủ, cho nên họ cũng tin thêm lời truyền khẩu của Giáo Hội nữa. Cho nên những gì Giáo Hội nói, thì cũng giống như là lời Chúa nói. Những câu Kinh Thánh mà họ dùng là II-Thêsalônica.2:15; 3:6.

Nhưng Kinh Thánh cũng cho chúng ta biết rằng, I-Côrinhtô.4:6 “*..chớ vượt quá lời đã chép...*” Phục-Truyền.4:2 “*...chớ thêm hay bớt về điều ta truyền cho...*” Châm-Ngôn.30:6 “*Chớ thêm chi vào các lời Ngài, e Ngài quở trách người...*” Khải-Huyền.22:18-19 cảnh cáo chúng ta để không ai thêm hoặc bớt đi trong lời của Ngài. Galiti.1:8 Phaolô cho chúng ta biết rằng, dẫu có thiên sứ trên trời đến truyền cho chúng ta một tin lành nào khác với tin lành ông đã giảng, thì chúng ta cũng không nên nhận lấy.

Kinh Thánh cho chúng ta biết rõ Đức Chúa Trời đã bảo tồn sự khả thi của Ngài trong Kinh Thánh (*Xuất-Ê.24:4; Giô-Suê.24:25-26; I-Samuên.10:25; Ê-sai.8:1; 30:8*). Đương nhiên là có nhiều điều mà không có chép trong Kinh Thánh (*Giăng.20:30; 21:25*). Đương nhiên tin vào lời truyền khẩu thì không phải lúc nào cũng sai, nhưng điều sai là cho những lời truyền khẩu đó ngang hàng với Kinh Thánh và điều đặc biệt là những lời truyền khẩu đi ngược lại với Kinh Thánh.

Đây là những điểm chống lại truyền thống ngang hàng với Kinh Thánh.

- a. Lời truyền khẩu có thể sai lầm vì trí nhớ con người không hoàn hảo.
- b. Người ta có thể cố ý hoặc sơ ý làm sai đi lời truyền khẩu.
- c. Có những sự mâu thuẫn về lời truyền khẩu, chẳng hạn như: Augustine ủng hộ sách Ngụy Kinh, nhưng Jerome thì lại không, như vậy chúng ta nhận lời truyền khẩu nào?

- d. Phần nhiều những giáo lý lời truyền khẩu của Thiên Chúa giáo là đến từ những thế kỷ sau này. Chẳng hạn như: Sự thăng thiên của Mary (the Bodily Assumption of Mary), giáo lý này mới chỉ được chấp nhận bởi Giáo Hoàng Pius XII vào ngày 1-11-1950.
- e. Trong Mathiơ.15:6 Chúa Giêsu nói rằng: “*Các người đã vì lời truyền khẩu mình mà bỏ lời Đức Chúa Trời.*” Phaolô cũng nói trong Côlôse.2:8 rằng: “*Hãy giữ chừng, kẻo có ai.. theo lời truyền khẩu của loài người.. mà bắt anh em phục chằng.*”

## 2. Giáo lý về Đức Giáo Hoàng

Thiên Chúa giáo: Tin về sự vô ngộ (*không sai lầm*) của Đức Giáo Hoàng và cho rằng Phierơ là Giáo Hoàng đầu tiên.

Tin Lành: Tin Đức Giáo Hoàng cũng như chúng ta và vẫn sai lầm như bất cứ người nào khác.

Thiên Chúa giáo thường dùng Kinh Thánh Mathiơ.16:18-19 và Giăng.21:15-17 để cho rằng Phierơ là Giáo Hoàng đầu tiên.

Mathiơ.16:18-19 “*Còn ta, ta bảo người rằng; Người là Phierơ (petros), ta sẽ lập Hội Thánh ta trên đá (petra) này, các cửa âm phủ chẳng thắng được hội đó. Ta sẽ giao chìa khóa nước thiên đàng cho người; hễ điều gì mà người buộc dưới đất, thì cũng sẽ buộc ở trên trời, và điều gì mà người mở dưới đất, thì cũng sẽ mở ở trên trời.*”

Theo phần ghi chú của câu Kinh Thánh này trong Kinh Thánh Tân-Uớc của Tòa Tổng Giám-Mục Giáo phận thành phố Hồ Chí Minh 1994 như sau: “*...một xã hội có cơ cấu và tổ chức dưới quyền thủ lãnh của Phê-rô.*” “*Chìa khóa cũng như cầm buộc, tháo cởi đều là những từ chuyên biệt mượn ở Do-thái giáo để nói lên quyền của Phê-rô nhận vào hay loại khỏi Nước Trời, quyền đưa ra những quyết định giáo lý hoặc pháp lý, cho phép hay cấm chỉ để điều hành trong cộng đoàn, trong lãnh vực đức tin và luân lý. Những lời hứa này không chỉ là hứa cho cá nhân ông Phê-rô, mà cho cả các vị kế thừa ngài, bởi vì Hội Thánh phải tồn tại đến tận thế.*”

Theo Kinh Thánh, thì đây là những điểm mà Hội Thánh Tin Lành nhận xét về khúc Kinh Thánh này và về sự sai lầm của Thiên Chúa giáo tin về Giáo Hoàng:

- a. Trong nguyên văn Hylạp, chữ Phierơ “*petros*” (*viên đá nhỏ*), nhưng khi Chúa Giêsu nói đến “*sẽ lập Hội Thánh ta trên đá này,*” chữ “*đá*” (*petra*) ở đây không phải về Phierơ, nhưng nói về chính Ngài, vì chữ “*petra*” có nghĩa là “*vàng đá lớn*”. Phierơ hiểu điều này, cho nên ông đã giải nghĩa trong lá thư của ông rằng, Chúa Giêsu là đá góc nhà chớ không phải Giáo Hoàng (*I-Phierơ.2:4-7*).
- b. Trong đoạn văn này không nói gì về Phierơ sẽ nối tiếp hay là thay thế Chúa Giêsu cả, cũng không nói gì về sự vô ngộ (*không sai lầm*) và có thẩm quyền trên Hội Thánh cả. Hơn nữa nếu chúng ta đọc xuống câu 23, Chúa Giêsu đã quở trách Phierơ rằng, “*Ó Sa-tan, hãy lui ra đằng sau ta!*”.
- c. Phierơ bị Phaolô trách móc vì sự giả dối của ông (*Galati.2:11-14*).

- d. Giáo Hoàng không được phép lấy vợ, nhưng tại sao Phierơ lại có vợ? (*Mathiô.8:14; Mác.1:29; Luca.4:38.*)
- e. “*Điều gì mà người buộc dưới đất, thì cũng sẽ buộc ở trên trời và điều gì mà người mở dưới đất, thì cũng sẽ mở ở trên trời*”. Quyền hạn này Chúa Jêsus không chỉ cho Phierơ mà thôi, nhưng cũng cho tất cả các sứ đồ khác nữa (*Mathiô.18:18*).
- f. Trong cuộc hội nghị thứ nhất ở Jerusalem (*Côngvụ.15:1-29*), chúng ta thấy Phierơ là người bắt đầu cuộc hội nghị, nhưng Giacơ là người có lời kết thúc cuộc hội nghị.
- g. Dựa theo *Côngvụ.8:14* thì chúng ta thấy rằng, sứ đồ Phierơ không phải là sứ đồ lớn hơn hết. Vì câu Kinh Thánh này cho thấy sứ đồ Phierơ không phải là người sai đi, nhưng là người được sai đi cùng với sứ đồ Giảng.
- h. Trong *Galati.2:9* Sứ đồ Phaolô có nói đến những người được tôn như “*cột trụ*” của Hội Thánh và Phierơ không phải là người đứng tên hàng đầu.
- i. Trong Sách *Côngvụ* cho chúng ta biết cuộc truyền giáo của Phierơ chỉ từ đoạn 1-12, nhưng Phaolô thì từ đoạn 13-28. Hơn nữa, cả Kinh Thánh Tân Ước sứ đồ Phierơ chỉ viết hai sách mà thôi. Còn sứ đồ Phaolô thì viết phân nửa Kinh Thánh Tân Ước.
- j. Dựa theo *Êphêsô.2:20* thì chúng ta được dựng lên trên nền của các sứ đồ cùng các đấng tiên tri (*không phải chỉ Phierơ mà thôi*). Chính Chúa Jêsus là đá góc nhà.

*Giăng.21:15-17 “Khi ăn rồi, Đức Chúa Jêsus phán cùng Simôn Phierơ rằng: Hỡi Simôn, con Giônã, người yêu ta hơn những kẻ này chẳng? Phierơ thưa rằng: Lạy Chúa, phải, Chúa biết rằng, tôi yêu Chúa. Đức Chúa Jêsus phán rằng: Hãy chẵn những chiên con ta. Ngài lại phán lần thứ hai cùng người rằng: Hỡi Simôn, con Giônã, người yêu ta chẳng? Phierơ thưa rằng: Lạy Chúa, phải, Chúa biết rằng tôi yêu Chúa. Đức Chúa Jêsus phán rằng: Hãy chẵn chiên ta. Ngài phán cùng người đến lần thứ ba rằng: Hỡi Simôn, con Giônã, người yêu ta chẳng? Phierơ buồn rầu vì Ngài phán cùng mình đến ba lần: Người yêu ta chẳng? Người bèn thưa rằng: Lạy Chúa, Chúa biết hết mọi việc; Chúa biết rằng tôi yêu Chúa! Đức Chúa Jêsus phán rằng: Hãy chẵn chiên ta.”*

Theo phần ghi chú của câu Kinh Thánh này trong Kinh Thánh Tân Ước của Tòa Tổng Giám Mục Giáo phận thành phố Hồ Chí Minh 1994 như sau: “*...Ba lần ông Phê-rô công khai diễn tả lòng gắn bó với Thầy; Đức Giê-su đáp lại bằng cách ba lần trao cho ông sứ mạng mục tử. Có thể việc lặp lại ba lần là một hình thức cam kết pháp lý theo một khoản luật được áp dụng trong thế giới sê-mít.*”

Và đây là những điểm mà giáo hội Tin Lành nhận xét về khúc Kinh Thánh nêu trên:

- a. Sự chẵn bày chiên, hay sứ mạng mục tử không phải chỉ dành riêng Phierơ mà thôi, mà cũng cho những sứ đồ khác và những người không phải là sứ đồ nữa

Côngvụ.20:28; Êphêsô.4:11-12; I-Phierô.5:1-2. Một người không cần phải “*vô ngộ*” mới có thể chặn bày chiên hay làm sù mạng mục tử.

- b. Nếu Phierô “*vô ngộ*” thì tại sao bị Phaolô trách móc về sự giả dối của ông. Giáo Hoàng Honorius I (A.D. 625-638) đã bị lên án bởi cuộc Hội Nghị Thứ Sáu (*Sixth General Council*) vì đã dạy sai lầm về giáo lý Đấng Christ. (*Ông cho rằng, Đấng Christ chỉ có một ý chí mà thôi*) (*there's only one will in Christ*). Nhưng Kinh Thánh cho chúng ta biết rằng, Đấng Christ có hai ý chí (*will*), Thần thánh và nhân thánh. Ngài thật sự là người và cũng thật sự là Đức Chúa Trời. Nếu Giáo Hoàng sai lầm về một lãnh vực này, thì tại sao không có thể sai lầm về lãnh vực khác?
- c. Lời của I-Phierô.1:1; 5:1 cho chúng ta thấy rõ rằng ông không bao giờ đặt cho mình những danh hiệu như Giáo Hoàng ngày nay: “*Cha Thánh*” (*Holy Father*), “*Giáo Hoàng Chí Tôn*” (*Supreme Pontiff*), “*Đức Giáo Hoàng*” (*Vicar of Christ - Thay Mặt Cho Đấng Christ*). Kinh Thánh Giăng.14:16, 26 cho chúng ta thấy rằng, chỉ có Đức Thánh Linh là Đấng thay mặt cho Đấng Christ trên đất và chúng ta chỉ có một “*Cha*” ở trên trời Mathiô.23:9.

### 3. Giáo lý về hàng giáo phẩm “*Cha*” (*priest*)

Thiên Chúa giáo: Dùng Kinh Thánh Giăng.20:23 “*Kẻ nào mà các người tha tội cho, thì tội sẽ được tha, còn kẻ nào các người cầm tội lại, thì sẽ bị cầm cho kẻ đó.*”

Tin Lành: Chỉ có Đức Chúa Trời mới có quyền tha tội, không ai ở dưới đất có thể tha tội được. Chúng ta có thể rao truyền và công bố một người nào đó được tha tội, hay không, tùy vào sự tin nhận hay từ chối Chúa Jêsus.

- a. Chỉ có Đức Chúa Trời mới tha tội được Mác.2:7
- b. Trong Kinh Thánh chúng ta không thấy một nơi nào mà các sù đồ tha tội cho một ai cả, nhưng họ chỉ có quyền công bố, hay tuyên bố sự tha tội mà thôi, bằng cách giảng Tin Lành.
- c. Trong giao ước mới, chúng ta chỉ có một “*Cha*” hay “*Thầy Tế Lễ*” (*priest*) mà thôi, tức là “*Thầy Tế Lễ*” thượng phẩm, Chúa Jêsus Christ (*Hêbơr.7:11-8:13*). Những người lãnh đạo Hội Thánh trong Tân Ước thường gọi là “*trưởng lão*” hay “*giám mục*”.
- d. Trong I-Phierô.5:4 chúng ta thấy Chúa Jêsus là Đấng làm “*đầu các kẻ chặn chiên*”, trong câu 1-2 chúng ta thấy những người chặn bày gọi là “*trưởng lão*” và Phierô cũng cho biết rằng, người là một trong những người trưởng lão. Trong câu 3 “*không làm chủ trên những kẻ được giao cho những làm gường cho cả bày*”. (*bản dịch mới*)

### 4. Giáo lý về Mary

Trong bản dịch Kinh Thánh Tân Ước của Đức Tổng Giám Mục Phaolô Nguyễn Văn Bình giáo phận Thành Phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 1994. Có ghi chú về Côngvụ.1:14 như sau: “*Tên và chức vụ của Đức Ma-ri-a được nhắc lần sau cùng trong bộ Tân Ước. Điều này làm nổi bật vai trò của*

*Đức Ma-ri-a trong buổi khai sinh Hội Thánh như trước đây trong biến cố truyền tin, giáng sinh, thời thơ ấu của Đức Giê-su. Anh em của Đức Giê-su là anh em họ, bà con Mác.6:3; Mathiơ.12:46”.*

(A) Mary luôn luôn đồng trinh (*perpetual virgin*)

Mặc dù có một số giáo phụ đầu tiên tin về điểm này, nhưng danh từ “*đồng trinh mãi mãi*” này được ban cho Mary vào năm 553 A.D. (*Fifth General Council at Constantine*) mà thôi. Chúng ta không thấy điều này trong Kinh Thánh Tân Ước, nhưng chúng ta thấy ngược lại nữa.

Thiên Chúa giáo thường dùng câu Kinh Thánh Giăng.19:26-27 để chứng minh là Mari chỉ sanh một mình Chúa Jêsus mà thôi và bà ta không có ăn ở với Joseph.

Nhưng dưới đây là 5 điều mà chúng ta thấy Mary có sanh những người khác sau Chúa Jêsus và bà ta có ăn ở với Giôsep sau khi sanh Chúa Jêsus.

- a. Câu Kinh Thánh Giăng.19:26-27 chỉ cho chúng ta biết rằng bà Mary là mẹ của một người con bị đóng đinh, Chúa Jêsus thấy sự đau buồn của mẹ mình, và các em mình cũng không có ở đây, vì không tin đến chính mình (*Giăng.7:5*), cho nên Chúa Jêsus đã cho Giăng thay thế mình để chăm sóc Mary.
- b. Kinh Thánh Tân Ước nói rất rõ Chúa Jêsus có em trai và em gái, chớ không phải là “*anh chị em bà con*” như phần giải thích trong những Kinh Thánh Thiên Chúa giáo. Mathiơ.12:46; 13:55-56; Mác.3:31-32; 6:3; Luca.8:19-21; Giăng.7:5; Côngvụ.1:14; I-Côrinhtô.9:5; Galati.1:19. (*xem trang 101, 292 KT Thiên Chúa giáo*).
- c. Trong Kinh Thánh Tân Ước có một chữ “*anh chị em bà con*” (*cousin*) là “*anepsios*” (*an-eps-ee-os*). Những tác giả Tân Ước không bao giờ áp dụng chữ này khi nói đến “*anh em trai*” (*brother - adelphos - ad-el-fos*) và “*chị em gái*” (*sister - adelphe - ad-el-fay*). Khi hai chữ này được dùng, thì lúc nào cũng nói về anh chị em ruột thịt, chớ không phải anh chị em bà con. (*Mác.1:16,19; 13:12; Giăng.11:1-2; Côngvụ.23:16; Rôma.16:15*)
- d. Trong quyển sách “*Fundamentals of Catholic Dogma*” của Ludwig Ott cho rằng, những “*anh chị em*” Chúa đây, là con riêng của Giôsep. Nhưng nếu điều này đúng thì người con trai lớn nhất của Giôsep sẽ là người nối ngôi David, chớ không phải Chúa Jêsus.
- e. Nếu một người chưa bao giờ biết các giáo lý của Tin lành và Thiên Chúa giáo mà đọc Kinh Thánh Mathiơ.1:25, thì chắc chắn người đó sẽ hiểu rằng, Mary và Giôsep có ăn ở với nhau sau khi Chúa Jêsus sanh.

(B) Vô nhiễm nguyên tội của Mary (*Immaculate conception or born sinless*)

Giáo lý này mới công bố vào thế kỷ thứ 19 mà thôi, bởi Giáo hoàng Pius IX, 1854. Chỉ Thánh Đồng Trinh Mary hoàn toàn vô nhiễm nguyên tội từ khi người được thụ thai trong lòng. (*The Most Holy Virgin Mary was in the first moment of her conception...free from all stain of original sin.*)

- a. Kinh Thánh cho biết là hết thảy mọi người đều phạm tội (*Rôma.3:23; 5:12*). David nói: “*mẹ tôi đã hoài thai tôi trong tội lỗi*” (*Thithiên.51:5*).

- b. Luca.1:28, 30 cho biết là Mary là người “*được ơn*”. Chữ này không chỉ dùng cho Mary mà thôi, nhưng cũng dùng cho hết thầy con dân Ngài nữa (*Êphêsô.1:6*). Cho nên chữ này không dính líu gì đến sự vô nhiễm nguyên tội của Mary.
- c. Chỉ có người phạm tội mới cần Cứu Chúa và Mary cũng như chúng ta, cần Cứu Chúa Luca.1:46-47.
- d. Luca.1:42 cho biết Mary là người được phước “*trong đám đàn bà*” (*among women*), chứ không phải “*hơn các đàn bà*” (*above women*). Trong Luca.11:27-28 cũng cho chúng ta biết rằng, những người nghe và giữ lời Đức Chúa Trời còn có phước hơn Mary nữa.
- e. Luca.2:22-24 cho biết là sau khi sanh Chúa Jêsus, Mary và Giôsep đem con lên thành Giêrusalem. Trước hết là dâng con trẻ cho Đức Chúa Trời (*Xuất-ê.13:2,12; Dân-số.18:15*), kế đó Mary làm lễ thanh sạch cho chính mình theo luật pháp Môise (*Lê-vi.12:1-6*). Nếu Mary là người vô nhiễm nguyên tội thì không cần phải dâng lễ thanh sạch.

(C) Sự thăng thiên của Mary (*The bodily assumption of Mary*)

Vào ngày 1-11-1950 Giáo hoàng Pius XII đã tuyên bố giáo lý này. Câu Kinh Thánh mà Thiên Chúa giáo thường dùng là Mathiơ.27:52-53 và Khải-huyền.12:5.

Mathiơ.27:52-53 “*mồ mả mở ra, và nhiều thây của các thánh qua đời được sống lại. Sau khi Đức Chúa Jêsus đã sống lại, các thánh đó ra khỏi mồ mả, đi vào thành thánh, và hiện ra cho nhiều người thấy.*”

- a. Hai câu Kinh Thánh này chỉ nói về những người đã chết rồi và sống lại, chứ không nói gì về sự thăng thiên cả.
- b. Những người đã được sống lại sau khi chết mà Kinh Thánh nói đến, thì chỉ sống lại một thời gian mà thôi, chứ không phải sống lại mãi mãi. Chúng ta chỉ sống lại mãi mãi trong ngày cuối cùng mà thôi.
- c. Lúc việc này xảy ra, thì Mary chưa chết. Không một câu Kinh Thánh nào nói về sự thăng thiên của Mary cả.

KhảiHuyền.12:5 “*người sanh một con trai, con trai ấy sẽ dùng gậy sắt mà cai trị mọi dân tộc; đứa trẻ ấy được tiếp lên tới Đức Chúa Trời, và nơi ngôi Ngài.*”

- a. Người đàn bà trong câu Kinh Thánh này không phải tượng trưng cho Mary mà là nước Israel (Dothái). Và Đức Chúa Trời đã sửa soạn một nơi để cho ở trong 3 năm 1/2 của 7 năm đại nạn.
- b. Đứa trẻ được tiếp lên tới Đức Chúa Trời, chứ không phải Mary.

(D) Cầu nguyện và quì lạy hay cúi xuống trước hình tượng Mary và các thánh vật. (*Pray and bow down to Mary and Saints*)

Kinh Thánh ngăn cấm chúng ta cầu nguyện và quì lạy trước những hình tượng, người đã chết, kể cả thiên sứ. (*Xuất-ê.20:4-5; Ê-sai.8:19; Khải-huyền.22:8-9*). [*III-Các-vua.6:15-19*

*Tiên tri Êlisê cho phép Naaman quỳ với chủ mình trong đền thờ Rim-môn, điều này không trái lại Xuất-ê.20:4-5]*

#### 5. Ngục luyện tội (*purgatory*)

Thiên Chúa giáo dùng Kinh Thánh Mathiơ.12:32; I-Côrinhtô.3:15 và Nguyện Kinh II-Maccabees.12:42-46.

Giáo lý này dạy 3 điều:

- (A) Có một nơi làm thanh sạch hết tội lỗi trước khi vào thiên đàng.
- (B) Tại đây người bị làm cho thanh sạch chịu đau đớn và khổ sở.
- (C) Người đang sống trên đất có thể cầu nguyện để giúp đỡ cho người chết ở tại đây.

Mathiơ.12:32 *“Nếu ai nói phạm đến Con người, thì sẽ được tha; song nếu ai nói phạm đến Đức Thánh Linh, thì dầu đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha.”*

Khi chúng ta đọc nguyên khúc Kinh Thánh này thì chúng ta thấy, ở đây không phải nói về sự tha tội hay sự trừng phạt ở đời sau, nhưng ý chỉ nói là *“không có sự tha thứ nếu ai nói phạm đến Đức Chúa Trời”* mà thôi.

I-Côrinhtô.3:15 *“Nếu công việc họ bị thiêu hủy, thì mất phần thưởng. Còn về phần người đó, sẽ được cứu, song dường như qua lửa vậy.”*

Trong quyển Kinh Thánh Tân Ước của Phaolô Nguyễn Văn Bình, Tổng Giám Mục Giáo phận Thành Phố Hồ Chí Minh 1994. Có ghi chú về câu này như sau: *“...Mặc dù thánh Phaolô không trực tiếp luận về lửa luyện tội, nhưng đây là một trong những đoạn Kinh Thánh được coi như hàm chứa mầm mống của giáo lý về luyện ngục.”*

Câu Kinh Thánh này dạy về ngục luyện tội, có thật vậy không?

- a. Ở đây không nói gì về người tin nhận Chúa phải chịu khổ ở ngục luyện tội cả, nhưng chỉ nói về việc làm thì bị thiêu hủy và người tin nhận Chúa thì được cứu.
- b. Trong câu 14 có nói về phần thưởng của những người đã nhận được sự cứu rỗi.
- c. Lửa ở đây không phải nói về lửa luyện tội cho linh hồn, nhưng lửa để *“thử”* công việc làm của chúng ta.
- d. II-Maccabees.12:38-46 là sách nguyện kinh và không có thẩm quyền như Kinh Thánh. Cho nên chúng ta không chấp nhận sự dạy dỗ của sách này. Trong phần *“Sách nguyện Kinh”* Chúng ta sẽ xem tại sao những sách này không được chấp nhận ngang hàng với Kinh Thánh.

Sở dĩ Tin Lành không chấp nhận sự dạy về ngục luyện tội vì giáo lý này từ bỏ tính các đầy đủ hay trọn vẹn về sự hy sinh của Đức Chúa Jêsus Christ trên thập tự giá (*Giăng.19:30; Hêbơr.10:14*). Nói rằng chúng ta cần phải vào ngục luyện tội để trả nợ cho tội lỗi chúng ta, thật là một điều sỉ nhục cho sự chết của Đấng Christ (*Hêbơr.7:27; 9:12, 16; 10:2,10*). Trong Đấng Christ thì chúng ta không còn sự đoán phạt nữa (*Rôma.8:1*). Giáo lý này cũng dạy ngược lại với lia thân thể là ở cùng Chúa (*Luca.23:43; II-Côrinhtô.5:8; Philíp.1:21-23*).

## 10 điều răn:

### Tin Lành

1. Chớ có các thần khác.
2. Chớ làm tượng chạm và qui lạy.
3. Chớ lấy danh Đức Chúa Trời làm chơi.
4. Nhớ ngày nghỉ làm nên ngày thánh.
5. Hãy hiếu kính cha mẹ.
6. Chớ giết người.
7. Chớ phạm tội tà dâm.
8. Chớ trộm cướp.
9. Chớ nói chửi dối cho kẻ lân cận.
10. Chớ tham nhà và tham vợ kẻ lân cận.

### Thiên Chúa giáo

1. Chớ có các thần khác.
2. Chớ lấy danh Đức Chúa Trời làm chơi.
3. Nhớ ngày nghỉ làm nên ngày thánh.
4. Hãy hiếu kính cha mẹ.
5. Chớ giết người.
6. Chớ phạm tội tà dâm.
7. Chớ trộm cướp.
8. Chớ nói chửi dối cho kẻ lân cận.
9. Chớ tham nhà kẻ lân cận.
10. Chớ tham vợ kẻ lân cận.

## 6. Cầu nguyện với người chết và cho người đã chết. (*Prayers to and for the dead*)

Thiên Chúa giáo tin về ngục luyện tội, cho nên cũng tin rằng, người sống có thể cầu nguyện cho những người ở trong ngục luyện tội, người sống cũng có thể cầu nguyện với những thánh đồ đã chết rồi. Kinh Thánh họ dùng là II-Maccabees.12:42-46.

Đây là 4 lý do tại sao những người Tin Lành không cầu nguyện với người chết hoặc cho người đã chết.

- a. Trong Kinh Thánh có một nơi nói về sự cầu xin đến người đã chết và người cầu xin đó không phải là người sống mà là người đã chết Luca.16:23-31 (*ngoại trừ câu chuyện của vua Saulơ và bà-bóng ở Êđôr kêu cầu Samuên, I-Samuên.28*). Người giàu đã cầu xin với Apraham (*là thánh nhân đã chết*), nhưng không được đáp ứng lời cầu xin của mình.
- b. Trong Kinh Thánh từ Sángthếký cho đến Khảihuyền có ghi lại về sự cầu nguyện của con dân Chúa. Nhưng không một nơi nào nói rằng con dân Chúa có thể cầu xin với người chết và cho người đã chết kể cả Chúa Jêsus và các môn đồ. Nhưng ngược lại Kinh Thánh cấm chúng ta cầu nguyện hay cầu xin với người chết (*Phục-truyền.18:9-14; Lê-vi.20:6, 27; Ê-sai.8:19-20*).
- c. Sự cầu nguyện với người chết hoặc cho người đã chết là một phần trong nội dung của sự thờ phượng và đó là một sự thờ hình tượng. Chúng ta chỉ thờ phượng Đức Chúa Trời mà thôi. Nếu chúng ta làm nên tượng của những người chết và qui xuống cầu nguyện, thì đó là trái lại với điều răn của Đức Chúa Trời (*Xuất-ê.20:4-5; Khải-huyền.19:10; 22:8-9*).
- d. Cầu nguyện với các thánh đồ và Mary là từ bỏ sự trung bảo của Chúa Jêsus Christ (*I-Timôthê.2:5; Giảng.14:6; 14:13-14; 16:24; Êphêsô.2:18; I-Giăng.2:1-2; Hêborơ.4:15-16*).

## 7. Sách ngụ Kinh (*the Apocrypha*)

Apocrypha: là một danh từ đến từ chữ Hy-lạp (*Greek*) "*apokruphos*", có nghĩa là "*bí ẩn*" hay "*giấu kín*". Vào thế kỷ thứ tư, giáo phụ Jerome là người đầu tiên mà gọi những quyển sách này là "*bí ẩn*". Những quyển sách "*bí ẩn*" này được thêm vào Kinh Thánh Cựu Ước bởi Thiên Chúa giáo La-mã, nhưng bên Tin lành nói những quyển sách đó không phải là tiêu chuẩn. (*Danh từ "bí ẩn" rất thích hợp cho những quyển sách này, vì*

*những sách này thường hay nói về những chi tiết bí ẩn hay huyền bí của đời sống và sự dạy dỗ Chúa Giêsu và các môn đồ Ngài).*

Apocrypha (*deuterocanonical books* “*second canon*”)

[*Kinh Thánh Thiên Chúa giáo có thêm 11 sách, (7 sách và 4 phần) (đôi lúc có 12 sách, sách Baruch đoạn 1-6 chia làm 2 sách) (đoạn 1-5 thành 1 sách, và đoạn 6 được gọi là Lá Thư của Giêrêmi]*

<u>Revised Standard</u>	<u>New American Bible</u>
1. Wisdom of Solomon (30 B.C.)	Book of Wisdom
2. Ecclesiasticus (Sirach) (132 B.C.)	Sirach
3. Tobit (200 B.C.)	Tobit
4. Judith (150 B.C.)	Judith
5. Maccabees (110 B.C.)	I-Maccabees
6. Maccabees (110-70 B.C.)	II-Maccabees
7. Baruch (150-50 B.C.)	Baruch (chaps.1-5)
Letter of Jeremiah (300-100 B.C.)	Baruch (chaps.6)
8. Addition to Esther (140-130 B.C.)	10:4-16:24
9. Prayer of Azariah (1 or 2 cent. B.C.)	Daniel 3:24-90 (song of 3 young men)
10. Susanna (1 or 2 cent. B.C.)	Daniel 13
11. Bel and the Dragon (100 B.C.)	Daniel 14

Có 3 sách nữa, nhưng đã loại bỏ trong giáo hội nghị “*Council of Trent*” (1546). 3 sách đó là “Prayer of Manasseh”; III và IV-Esdras (sách I và II-Esdras trong Kinh Thánh Công-Giáo là Êxatê và Nêhêmi)

Đây là những lý do mà Tin Lành không chấp nhận sách Ngụy Kinh:

- Kinh Thánh Tân Ước không có lời trích thẳng từ những sách Ngụy Kinh.
- Sách Ngụy Kinh không có trong bản chính Kinh Thánh Hebrew và cũng không có trong các bản “*Bảy Mười*” (*Septuagint*) trước thế kỷ thứ Tư sau Công Nguyên (*4<sup>th</sup> century A.D.*)
- Sách Ngụy Kinh không được nhận là “*Lời của Đức Chúa Trời*” cho đến khi giáo hội nghị “*Council of Trent*” (1546 A.D.) Có nghĩa là 1,600 năm sau khi những sách này được viết.
- Mặc dù sách Ngụy Kinh có tìm được ở hang Qumran (*the Dead Sea Scrolls*), nhưng những sách giải Kinh (*commentaries*) tại đây, không chú giải đến sách Ngụy Kinh, mà chỉ chú giải về những sách trong Kinh Thánh mà thôi.

Nhà học giả Geisler và Nix (*A General Introduction to the Bible*) có đưa ra một số điều kiện để chọn lựa vào tiêu chuẩn của Kinh-thánh Tân-ước hay là được cho là lời của Đức Chúa Trời.

- Quyển sách đó có quyền thế không? - nó có đến từ bàn tay Đức Chúa Trời hay không? (*lời của nó có như là “Đức Chúa Trời vạn quân phán” hay không?*)
- Quyển sách đó có lời tiên tri không? - nó có phải được viết bởi tôi tớ của Đức Chúa Trời hay không?
- Quyển sách đó có chắc thật không? - (*các cha của chúng có luật như vậy: “Nếu anh nghi ngờ, thì hãy bỏ nó đi. ” Điều này tăng thêm “hiệu lực của sự nhận rõ về tiêu chuẩn của những quyển sách đó.”*)

- d. Quyền sách đó có năng lực không? - lời của nó có quyền năng của Đức Chúa Trời để thay đổi đời sống hay không?
- e. Quyền sách đó có được sưu tập, nhận, đọc và sử dụng hay không? - nó có chứng nhận bởi dân sự của Đức Chúa Trời hay không?
- f. Các sứ đồ chứng nhận nhau là lời Kinh-thánh Cựu-ước. Chẳng hạn như:  
Phi-e-rơ chứng nhận những lá thư của Phaolô là Kinh Thánh (*II-Phierơ.3:15-16*).  
Giu-đe chứng nhận lời của Phi-e-rơ là Kinh Thánh (*Giude.17-18 và II-Phierơ.3:3*).  
Phaolô chứng nhận lời của Lu-ca là Kinh Thánh (*I-Timôthê.5:18b và Luca.10:7*).

#### Phần biết thêm.

Ngoài những sách Ngụy kinh còn có những sách “*Pseudepigrapha*” nữa. Những sách “*Pseudepigrapha*” này không có trong Kinh Thánh Tin lành và Thiên Chúa giáo.

Có khoảng hơn 50 sách Pseudepigrapha: tên của nó đến từ chữ Hy-lạp có nghĩa là “*sách giả mạo*”. Những sách “*sách giả mạo*” này viết vào khoảng giữa thời kỳ Cựu Ước và Tân Ước, những sách này dùng những danh nhân như là Adam, Hênóc, Môise, Tin Lành của Nicôđem, Banaba, Batêlêmy, Anhrê, lá Thư của Phaolô cho người Laodixê, sự Khải thị (apocalypse) của Êtiên và những danh nhân nổi tiếng khác trong Kinh Thánh.

Trong tự điển Kinh Thánh “*Unger*” đưa ra 4 lý do những sách “*Pseudepigrapha*” không đạt đủ tiêu chuẩn để đưa vào Kinh-Thánh:

- a. Những sách này ghi chép sai lầm nhiều về lịch sử, địa lý và và niên biểu.
- b. Những sách này dạy sai lầm về đạo lý và khuyến khích thực hành những việc trái nghịch với Kinh-thánh.
- c. Những sách này cậy vào các loại văn phẩm khác và nêu lên sự nhân tạo của những đề tài và kiểu mẫu của nó khác với Kinh-thánh.
- d. Những sách này thiếu điểm đặc biệt về sự “*divine character*” mà Kinh-thánh có, chẳng hạn như quyền năng trong lời tiên tri “*poetic and religious feeling*”.